

Bản án số: 371/2024/DS-ST

Ngày: 12/12/2024.

V/v tranh chấp "**Đòi tài sản**"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Trần Xuân Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Dũng.

Ông Nguyễn Phước Tường.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 420/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc tranh hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2024/QĐXX-ST ngày 24 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T; sinh năm 1961.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Bé M; sinh năm: 1976.

Ông Châu T, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

(Bà T có mặt, Bà M, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/8/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Bà Lê Thị T trình bày: Do quen biết nên vào năm 2019 bà có tham chơi hụi do Bà M, ông T làm đầu thảo. Dây hụi khai ngày 10/3/2019 âl, mỗi tháng khai một lần, mức góp hụi 1.000.000 đồng/phần bằng tiền mặt, hụi gồm 33 phần, bà T tham gia 02 phần. Hiện dây hụi đã mãn vào ngày 10/12/2021, bà T, ông T nợ bà số tiền 62.000.000 đồng.

Năm 2021, bị đơn trả tiền nợ hụi cho bà bằng cách yêu cầu bà T tham gia chơi 01 dây hụi do người khác làm đầu thảo. Hai bên thỏa thuận bà T kêu hốt đầu, lấy số tiền 60.500.000 đồng. Sau đó vợ chồng Bà M sẽ đóng hụi chết thay bà T, Tuy nhiên sau khi bà T hốt hụi, bị đơn chỉ góp hụi chết được vài tháng. Bà T phải bỏ tiền ra để góp phần hụi chết còn lại với số tiền 62.000.000 đồng.

Đến ngày 12/3/2024 âl Bà M có viết tờ biên nhận thừa nhận còn nợ số tiền trên. Sau khi viết biên nhận, Bà M trả cho bà T 3.500.000 đồng, còn nợ lại 58.500.000 đồng. Nay bà T khởi kiện yêu cầu buộc Bà Phạm Thị Bé M và ông Châu T liên đới trả cho bà số tiền trên 58.500.000 đồng. Yêu cầu trả 01 lần.

Tại tờ tự khai ngày 24/10/2024, bị đơn Bà Phạm Thị Bé M trình bày: Bà thừa nhận còn nợ Bà M số tiền 58.500.000 đồng. Nay bà đồng ý trả số tiền trên nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Theo Bà M, việc giao dịch tiền hụi giữa hai bên ông T không biết nên Bà M không đồng ý với yêu cầu của bà T về việc buộc ông T liên đới trả tiền.

Tại phiên tòa bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông T có đơn xin vắng mặt d9ing1 quy định pháp luật nên được chấp nhận. Bà M đã được Tòa án triệu tập họp lệ, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa Bà Lê Thị T và Bà Phạm Thị Bé M, ông Châu T xuất phát từ giao dịch chơi hụi. Tuy nhiên hiện các dây hụi đã mãn. Nghĩa vụ góp hụi giữa các bên không còn. Bà T chỉ khởi kiện đòi lại số tiền bà đã bỏ ra đóng hụi chết thay cho Bà M nên quan hệ tranh chấp giữa hai bên được xác định lại là tranh chấp đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Châu T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đúng quy định pháp luật, Bà M đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt ông T, Bà M.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Bà M thừa nhận còn nợ bà T số tiền 58.500.000 đồng và đồng ý trả. Nguồn gốc số tiền là từ tiền hụi chết bà T đóng thay Bà M. Như vậy có đủ cơ sở xác định giao dịch giữa hai bên là có thật nên yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của Bà M về việc xin trả dần số tiền còn nợ mỗi tháng trả 500.000 đồng: Việc Bà M nợ bà T số tiền trên trong thời gian dài. Bà T đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng bị đơn không thực hiện. Như vậy chứng tỏ Bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà T không đồng ý với cách trả của bị đơn. Phía bị đơn cũng không chứng minh được hoàn cảnh kinh tế hiện tại của mình đang gặp khó khăn nên yêu cầu xin trả dần là không có cơ sở chấp nhận.

Xét việc Bà M xin trả số tiền nợ, không yêu cầu ông T liên đới trả: Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên đã thống nhất về số tiền tranh chấp. Bà M thừa nhận số tiền trên dùng vào mục đích chi tiêu chung trong gia đình. Lý do không đồng ý cùng ông T liên đới trả nợ do hiện tại ông T không có sức khỏe, không có thu nhập là không có cơ sở xem xét.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị Bé M, ông Châu T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, các Điều 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị T. Buộc Bà Phạm Thị Bé M và ông Châu T liên đới trả cho bà T số tiền 58.500.000 đồng.

Kể từ ngày Bà Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Bà Phạm Thị Bé M, ông Châu T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Về án phí:

Bà Phạm Thị Bé M, ông Châu T phải chịu 2.925.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị T thuộc trường hợp được xét miễn án phí theo quy định pháp luật.

3/ Bà Lê Thị T, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Bà Phạm Thị Bé M, ông Châu T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu AV.HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Trần Xuân Văn